

MÀU NHÃN DỰ KIẾN

Nhãn hộp 10 vỉ x 10 viên: 75 x 68 x 77 mm.

Công thức
Paracetamol 500 mg
Tà được
vừa đủ 1 viên nén dài

Chỉ định
Điều trị các chứng nhức đầu, đau nhức bắp thịt và thần kinh, đau răng, phụ nữ đau bụng khi hành kinh, đau nhức khi bị khớp.
Giảm đau, hạ sốt trong cảm sốt, cảm lạnh, cảm cúm.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 500 – 1000 mg, cứ 4 – 6 giờ một lần khi cần thiết, nhưng không quá 4 g/ngày.

CHÔNG CHỈ ĐỊNH
Dùng với bất cứ thành phần của thuốc.
Người bệnh thiếu thùy G.P.D.

ĐỂ XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Y KIẾN BÁC SĨ

TIÊU CHUẨN: DBN IV
BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG ĐUA 30°C

Ngày SX
Số lô SX
HD.

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài
Box of 10 blisters x 10 caplets



Cemofar 500
Paracetamol 500 mg

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài

COMPOSITION
- Paracetamol
- Excipients

INDICATIONS
Symptomatic relief of pain due to headache, myalgia, toothache, dysmenorrhoea, arthralgia
Analgesic and antipyretic in the relief of disorder due to common fever, cold, flu

DOSE AND ADMINISTRATION
Adults and children over 12 years old: 500 mg – 1000 mg every 4 – 6 hours as necessary but should not exceed 4 g daily

CONTRAINDICATIONS
- Hypersensitivity to any of the components of the drug
- Patients with G.P.D deficiency

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE.
FOR MORE INFORMATION, CONSULT YOUR PHYSICIAN.
SPECIFICATION: Vietnamese Pharmaceutical IV
Reg. No.:

CTCP DPOL PHARMEDIC 367 Nguyễn Trãi, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Mã GMP-MHO 15/7 Nguyễn Văn Quỳ, Q.12, TP.HCM, VN

PHARMEDIC

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg
SDK:

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg
Reg. No.:

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg
SDK:

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg
HD:

PHARMEDIC JSC
TP. Hồ Chí Minh City, Vietnam

CTCP DPOL PHARMEDIC
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số lô SX

Nhãn vỉ 10 viên. Kích thước: 75 x 60 mm

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg

Box of 10 blisters x 10 caplets

COMPOSITION
- Paracetamol
- Excipients

INDICATIONS
Symptomatic relief of pain due to headache, myalgia, toothache, dysmenorrhoea, arthralgia
Analgesic and antipyretic in the relief of disorder due to common fever, cold, flu

DOSE AND ADMINISTRATION
Adults and children over 12 years old: 500 mg – 1000 mg every 4 – 6 hours as necessary but should not exceed 4 g daily

CONTRAINDICATIONS
- Hypersensitivity to any of the components of the drug
- Patients with G.P.D deficiency

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE.
FOR MORE INFORMATION, CONSULT YOUR PHYSICIAN.
SPECIFICATION: Vietnamese Pharmaceutical IV
Reg. No.:

CTCP DPOL PHARMEDIC 367 Nguyễn Trãi, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Mã GMP-MHO 15/7 Nguyễn Văn Quỳ, Q.12, TP.HCM, VN

PHARMEDIC

Cemofar 500
Paracetamol 500 mg



PHARMEDIC JSC 367 Nguyễn Trãi, Q.1, TP. Hồ Chí Minh City, Vietnam
Manufactured by PHARMEDIC in compliance with GMP WHO standards
15/7 Nguyễn Văn Quỳ, Q.12, TP. Hồ Chí Minh City, Vietnam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2012
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIẢM ĐỐC CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Thúy Vân

<https://trungtamthuoc.com/>

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tờ hướng dẫn sử dụng. Kích thước: 260 x 90 mm.

CEMOFAR 500

viên nén dài



CÔNG THỨC

- Paracetamol.....500 mg
- Tá dược: Lactose, Tinh bột Ngô, Povidon, Nipagin, Nipasol, Talc, Magnesi stearat, Natri starch glycolat.....vừa đủ 1 viên nén dài.

CHỈ ĐỊNH

- Điều trị các chứng nhức đầu, đau nhức bắp thịt và thần kinh, đau răng, phụ nữ đau bụng khi hành kinh, đau nhức khi bị thấp khớp.
- Giảm đau, hạ sốt trong cảm sốt, cảm lạnh, cảm cúm.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 500 – 1000 mg, cứ 4 – 6 giờ một lần khi cần thiết, nhưng không quá 4 g/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Dị ứng với bất cứ thành phần của thuốc.
- Người bệnh thiếu hụt G₆PD.

LƯU Ý - THẬN TRỌNG

- Tránh dùng thuốc quá lâu ngày nếu không được chỉ dẫn và theo dõi của thầy thuốc.
- Người bệnh có thiếu máu từ trước.
- Người bệnh bị phenylketon - niệu.
- Người bệnh suy giảm chức năng gan hoặc thận.

TƯƠNG TÁC THUỐC

- Dùng đồng thời thuốc chống co giật (phenytoin, barbiturat, carbamazepin), isoniazid làm tăng độc tính gan.
- Hạ thân nhiệt nghiêm trọng có thể xảy ra khi dùng paracetamol liều cao chung với phenothiazin.
- Uống rượu quá nhiều và dài ngày có thể làm tăng nguy cơ Paracetamol gây độc gan.
- Paracetamol có thể làm giảm nhẹ prothrombin huyết khi dùng cùng dẫn chất coumarin.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ PHỤ NỮ CHO CON BÚ

Với liều điều trị có thể dùng cho phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: không có.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Tác dụng phụ của paracetamol thường nhẹ và hiếm.
 - Ở da: ban da và mày đay.
 - Phản ứng dị ứng: phù mạch.
 - Ở hệ tiêu hóa: buồn nôn, nôn.
 - Hệ huyết học: loạn tạo máu (giảm bạch cầu trung tính, giảm toàn thể huyết cầu, giảm bạch cầu), thiếu máu.
 - Ở thận: bệnh thận, độc tính thận khi lạm dụng hoặc dùng dài ngày.
- * Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUẢ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Triệu chứng:
Buồn nôn, ói mửa, chán ăn, xanh xao, đau bụng, thường xuất hiện trong 24 giờ đầu.

- Dùng liều cao, trên 10g ở người lớn (liều thấp hơn ở người nghiện rượu), có thể gây phản hủy tế bào gan đưa đến hoại tử hoàn toàn và không hồi phục.
- Xử trí:
- Chuyển ngay đến bệnh viện rửa dạ dày để loại trừ ngay thuốc đã uống.
- Dùng chất giải độc đặc hiệu N-acetylcystein.

DƯỢC LỰC HỌC

Paracetamol là một dẫn chất para-aminophenol có đặc tính giảm đau và hạ sốt. Paracetamol nâng ngưỡng đau để trị nhức đầu, đau cơ, đau khớp và bệnh liên quan đến cảm cúm. Thuốc có tác dụng giảm đau và hạ sốt tương tự như aspirin nhưng không có tác dụng kháng viêm.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Paracetamol hấp thu nhanh gần như hoàn toàn từ đường tiêu hóa, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống 30 đến 60 phút. Paracetamol được phân phối hầu hết trong các mô của cơ thể. Thuốc qua nhau thai và hiện diện trong sữa mẹ. Thời gian bán thải khoảng từ 1 - 3 giờ.
- Paracetamol được chuyển hóa chủ yếu qua gan và thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng liên hợp glucuronic, liên hợp sulfonic và một ít dưới dạng không đổi. Một phần nhỏ được chuyển hóa dưới tác dụng của cytochrom P450 thành chất chuyển hóa, chất này sau đó được liên hợp với glutathion. Trường hợp ngộ độc do dùng liều cao, lượng chất chuyển hóa này tăng lên.

ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

TIÊU CHUẨN: ĐDVN IV

TRÌNH BÀY: Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài.

BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C

CTCP DPDL PHARMEDIC: 367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO: 1/67 Nguyễn Văn Quà, Q.12, TP.HCM, Việt Nam.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Thúy Vân

Mặt sau

CEMOFAR 500

caplets



COMPOSITION

- Paracetamol 500 mg
- Excipients: Lactose, Maize starch, Povidone, Nipagin, Nipazol, Talc, Magnesium stearate, Sodium starch glycolate eq 1 caplet.

INDICATIONS

- Symptomatic relief of pain due to headache, myalgia, toothache, dysmenorrhoea, arthralgia.
- Analgesic and antipyretic in the relief of disorder due to common fever, cold, flu.

DOSAGE AND ADMINISTRATION

Adults and children over 12 years old: 500 mg – 1000 mg every 4 – 6 hours as necessary, but should not exceed 4 g daily.

CONTRAINDICATIONS

- Hypersensitivity to any of the components of the drug.
- Patients with G₆PD deficiency.

PRECAUTIONS

- Do not use in long time without medical supervision.
- Patients with previous anaemia.
- Patients with phenylketonuria.
- Patients with impaired kidney or liver function.

INTERACTIONS

- Concomitant use of anticonvulsants (phenytoin, barbiturate, carbamazepine) or isoniazide can increase the hepatotoxicity.
- Severe hypothermia may occur when concomitant use of phenothiazines and paracetamol in large doses.
- Chronic heavy alcohol abuses may increase the risk of hepatotoxicity from long-term paracetamol use.
- Paracetamol may produce a slight hypoprothrombinemia when administered with coumarin derivatives.

USE IN PREGNANCY AND LACTATION

Administered in therapeutic doses, paracetamol can be used in pregnant women and nursing mothers.

EFFECTS ON ABILITY TO DRIVE OR OPERATE MACHINERY

There have been no report.

ADVERSE EFFECTS

Adverse effects of paracetamol are often mild and occur rarely.

- Skin: Skin rashes, urticaria
- Hypersensitivity reactions such as angioedema
- Gastrointestinal system: Nausea, vomiting.
- Haematological system: Blood dyscrasias (neutropenia, pancytopenia, leucopenia), anaemia.
- Kidneys: Nephropathy, nephrotoxicity when abuse or prolonged excessive use of paracetamol

* **Contact your physician if you experience any adverse reactions while using this medicine.**

OVERDOSAGE

Symptoms:

- Nausea, vomiting, anorexia, pallor and abdominal pain occur within 24 hours after ingestion.
- Adults who absorb more than 10 g of paracetamol (lower dose in patients with history of alcoholism) are at risk of developing liver damage that may lead to irreversible hepatic necrosis.

Treatment:

- Immediately hospitalize the patient for gastric lavage and supportive therapy.
- The specific antidote for paracetamol is N-acetylcysteine

PHARMACODYNAMICS

- Paracetamol, a para-aminophenol derivative, has analgesic and antipyretic properties. Paracetamol raises the pain threshold to relieve headache, muscle and joint pains, and general malaise frequently associated with the common cold. Paracetamol has the same analgesic and antipyretic effects as aspirin, but does not have the anti-inflammatory action.

PHARMACODYNAMICS

- Paracetamol is absorbed readily and completely from the gastrointestinal tract with peak plasma concentrations occurring about 30 to 60 minutes after oral administration. Paracetamol is distributed into most body tissues. It crosses the placenta and is present in breast milk. The elimination half-life of paracetamol varies from about 1 to 3 hours.
- Paracetamol is metabolised predominantly in the liver and excreted in the urine mainly as the glucuronide, sulfate conjugates and unchanged paracetamol. The minor hydroxylated metabolite is produced in very small amounts by cytochrome P450 isoenzymes. It is usually detoxified by conjugation with glutathione but may accumulate following paracetamol overdose.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE.

FOR MORE INFORMATION, CONSULT YOUR PHYSICIAN.

SHELF LIFE: 36 months from date of manufacturing.

SPECIFICATION: Vietnamese Pharmacopoeia IV.

PRESENTATION: Box of 10 blisters x 10 caplets.

DO NOT STORE OVER 30°C.

PHARMEDIC JSC: 367 Nguyen Trai Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Manufactured by PHARMEDIC in compliance with GMP - WHO norms
1/67 Nguyen Van Qua Street, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.